



Ho và tên: .....



Lớp : .....



## PHẦN TRẮC NGHIỆM

### Kiến thức cần nhớ

\* **Tính chất giao hoán của phép nhân:**  
Khi đổi chỗ các thừa số trong một tích thì tích không thay đổi.

\* **Tính chất kết hợp của phép nhân:**  
Khi nhân một tích hai số với số thứ ba, ta có thể nhân số thứ nhất với tích của số thứ hai và thứ ba.

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:



Câu 1.  $2 \times 2\,023 = \dots\dots\dots \times 2$ . Số cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 2 022                      B. 2 023                      C. 2 024                      D. 2 025

Câu 2. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$$1\,309 \times (3 + 7) = 1\,309 \times \dots\dots\dots + 1\,309 \times 7$$

- A. 1 309                      B. 3                      C. 5                      D. 7

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:  $(9 \times 8) \times 6 = 6 \times (9 \times \dots)$

- A. 6                      B. 8                      C. 9                      D. 72

Câu 4. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm:  $76 \times 10 \dots\dots\dots (70 + 7) \times 10$

- A. <                      B. >                      C. =                      D. Không có dấu nào thích hợp

Câu 5. Biểu thức nào sau đây có giá trị bằng với biểu thức:  $(6 \times 125) \times 8$ ?

- A.  $(125 + 6) + 8$                       B.  $(125 + 8) \times 6$                       C.  $6 \times (125 \times 8)$                       D.  $(125 + 6) \times 8$

Câu 6. Một phòng học có 8 dãy ghế, mỗi dãy ghế có 2 bàn, mỗi bàn 2 học sinh. Hỏi phòng học đó có bao nhiêu học sinh?

- A. 10 học sinh                      B. 12 học sinh                      C. 20 học sinh                      D. 32 học sinh

Câu 7. Một đội xe có 5 xe tải, mỗi xe chở 12 thùng hàng, mỗi thùng hàng có 2 máy bơm. Hỏi đội xe đó chở bao nhiêu máy bơm?

- A. 10 máy bơm                      B. 24 máy bơm                      C. 60 máy bơm                      D. 120 máy bơm

Câu 8. Người ta chuyển vật liệu xây dựng để sửa lại một đoạn đường. Trong 4 ngày đầu, mỗi ngày chuyển được 63 khối đá dăm. Trong 4 ngày sau, mỗi ngày chuyển được 36 khối cát. Hỏi trong tám ngày đó, người ta đã chuyển được bao nhiêu khối đá dăm và cát?

- A. 396 khối đá dăm và cát    B. 144 khối đá dăm và cát    C. 252 khối đá dăm và cát    D. 99 khối đá dăm và cát



## PHẦN TỰ LUẬN

### Bài 1

Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật (theo mẫu).

| a     | b     | $P = (a + b) \times 2$                | $S = a \times b$                         |
|-------|-------|---------------------------------------|------------------------------------------|
| 10 cm | 7 cm  | $(10 + 7) \times 2 = 34 \text{ (cm)}$ | $10 \times 7 = 70 \text{ (cm}^2\text{)}$ |
| 20 cm | 10 cm | .....(cm)                             | .....(cm <sup>2</sup> )                  |

### Bài 2

Nối hai phép tính có cùng kết quả:



$$9\,824 \times 4$$



$$9\,024 \times 6$$



$$983 \times 9$$



$$304 \times 5$$



$$9 \times 983$$



$$5 \times 304$$



$$6 \times 9\,024$$



$$4 \times 9\,824$$



### Bài 3

Giải bài toán sau bằng hai cách.



Có 8 ô tô chở hàng. Mỗi ô tô chở 4 kiện hàng. Mỗi kiện hàng chứa 25 ăm điện. Hỏi 8 ô tô đó chở bao nhiêu ăm điện?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....



### Bài 4

Tính bằng cách thuận tiện.



a.  $25 \times 6 \times 4$

b.  $8 \times 4 + 8 \times 6$

.....

.....

.....